

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/DS - ST.

Ngày: 04/03/2021

“V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chính;
2. Bà Đỗ Thị Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04/03/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2020/TLST – DS, ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2021: Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST -DS ngày 20/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST -DS ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1963; địa chỉ: Đội 5, xã Xuân T, huyện X, tỉnh Nam Định;

- **Bị đơn:** Anh Vũ Văn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 37, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 37, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Đội 5, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1963;

địa chỉ: Đội 5, xã X, huyện Xuân T, tỉnh Nam Định (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2020).

Tại phiên tòa: Có mặt ông H, anh H, chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2020, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đỗ Văn H trình bày:

Do cần vốn làm ăn nên ông thường vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện X, nơi anh Vũ Văn H làm việc. Anh H là cán bộ tín dụng, khi ông vay vốn của Ngân hàng này thì anh H nhờ ông đứng vay giúp tiền của Ngân hàng. Tổng số tiền anh H nhờ ông vay của Ngân hàng là 1,1 tỷ đồng. Cụ thể: Ngày 29/6/2017 vay số tiền 600 triệu đồng, ngày 11/7/2017 tiếp tục vay số tiền 500 triệu đồng. Cả hai lần vay đều có giấy biên nhận do anh H viết và ký nhận vay số tiền trên của ông, lãi suất theo quy định của Ngân hàng, vay không thời hạn, mục đích anh H nói là vay để chị Trần Thị Thu H (vợ anh H cũng là cán bộ Ngân hàng) đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay thì lãi hàng tháng anh H đều trực tiếp trả Ngân hàng, nhưng đến tháng 6 năm 2018 thì anh H không trả nữa. Do nhiều lần đòi mà anh H không trả tiền gốc nên ông có yêu cầu cả hai vợ chồng anh chị phải trả tiền nhưng vợ chồng anh chị đều khất nợ. Sau đó anh H không làm việc ở Ngân hàng nữa và không ở nhà, cũng không trả nợ gốc và lãi cho ông nên chị H đã viết giấy xác nhận nợ lãi ngày 05/10/2018 với nội dung sẽ trả lãi cho ông mỗi tháng là 8.500.000 đồng. Nhưng từ khi viết giấy đến nay chị H và anh H chưa trả ông khoản tiền gốc và lãi nào. Ông xác định số tiền anh Hùng còn nợ là tài sản chung của vợ chồng. Nay ông tính lãi suất là theo suất của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, lãi suất trung bình là 9,5% năm; cụ thể từ ngày xác nhận lãi ngày 01/6/2018 cho đến ngày xét xử ngày 04/3/2021 ($1.100.000.000đ \times 33 \text{ tháng} \times 0,79\%/\text{tháng} = 286.770.000đ$; $1.100.000.000đ \times 03 \text{ ngày} \times 0.026\%/\text{ngày} = 858.000đ$); tổng lãi là 287.628.000đ. Ông đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Vũ Văn H, chị Trần Thị Thu H phải trả số tiền gốc và lãi là 1.387.628.000đ cũng như trả tiền lãi tiếp theo cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ. Nhưng nay tại phiên tòa ông thay đổi quan điểm chỉ yêu cầu vợ chồng anh Vũ Văn H, chị Trần Thị Thu H phải trả số tiền gốc là 1.100.000.000đ, còn số tiền lãi ông không yêu cầu nữa.

Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh anh Vũ Văn H trình bày:

Anh thừa nhận có vay ông H số tiền gốc là 1,1 tỷ đồng là đúng. Anh là người hỏi vay, nhận và sử dụng tiền vay, mục đích là chi tiêu cá nhân, không sử dụng, chi tiêu cho gia đình. Mặc dù hai bên thỏa thuận với nhau ghi trong giấy là

theo lãi suất ngân hàng nhưng thực tế anh phải trả ông H là 1000đ/ngày/triệu. Sau khi trả lãi đến hết tháng 12/2017 thì anh không có khả năng trả theo mức lãi này nữa. Cũng thời điểm này anh xin thôi việc tại Ngân hàng và có đến gặp ông Hà thỏa thuận về việc trả nợ, hai bên thống nhất anh sẽ trả lãi ông H theo mức lãi suất Ngân hàng. Anh đi làm ăn xa, ông H có đến nhà đòi nợ vợ anh thì vợ anh mới biết việc anh vay nợ ông H. Khoảng tháng 6 năm 2018, anh không có khả năng trả tiền lãi ông H theo mức lãi Ngân hàng nên anh có nói ông H để anh trả nợ gốc và xin lãi hoặc trả lãi sau cùng, nhưng ông H không đồng ý. Nay anh nhất trí trả ông H số tiền vay gốc là 1,1 tỷ đồng, còn tiền lãi sẽ trả sau khi trả hết tiền gốc vì hiện nay điều kiện kinh tế của anh rất khó khăn. Tại phiên tòa hôm nay ông H chỉ yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền gốc 1.100.000.000đ, còn lãi không yêu cầu nữa, anh nhất trí vợ chồng anh có trách nhiệm trả số tiền gốc cho vợ chồng ông H, còn lãi vợ chồng anh xin cũng như giấy xác nhận ngày 03/03/2021 mà vợ chồng anh đã viết cam kết với ông H.

Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Thu H trình bày:

Việc vay mượn tiền giữa anh H và ông H chị không hay biết, chị không hỏi, không nhận tiền vay và cũng không sử dụng tiền để đáo hạn Ngân hàng như ông H trình bày. Sau khi anh H nghỉ làm ở Ngân hàng và đi làm ăn xa thì chị mới biết việc anh H vay tiền ông H. Do anh H không có khả năng trả tiền nên ông H đến nhà đe dọa chị, nói sẽ đến gặp lãnh đạo cơ quan chị, do lo sợ bị ảnh hưởng đến công việc và cuộc sống của 3 mẹ con và không có tiền trả lãi nên khi ông H ép trả lãi chị đã phải viết giấy xác nhận nợ lãi ngày 05/10/2018 với nội dung sẽ đôn đốc anh H trả lãi cho ông H mỗi tháng là 8.500.000 đồng. Nay chị nhất trí với lời trình bày của anh H là vợ chồng cùng có trách nhiệm trả ông H số tiền gốc 1.100.000.000đ, còn số tiền lãi thì vợ chồng chị xin cũng như vợ chồng chị đã viết giấy xác nhận nợ số tiền này ngày 03/3/2021 cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Vũ Văn H, chị Trần Thị Thu H phải trả số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng cho vợ chồng ông Đỗ Văn H, bà Vũ Thị H.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Để có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đánh giá như sau:

[1] Về việc vay tiền: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự thì: Ngày 29/6/2017 anh Vũ Văn H có viết và ký giấy biên nhận vay số tiền 600 triệu đồng của ông Đỗ Văn H, ngày 11/7/2017 anh H tiếp tục viết và ký giấy biên nhận vay số tiền 500 triệu đồng của ông H, tổng cộng là 1.100.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều không ghi kỳ hạn vay, lãi suất. Mặc dù không ghi lãi suất nhưng các đương sự đều thừa nhận 2 khoản vay đều có lãi. Ông H trình bày là lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng, anh H trình bày lãi suất là 1000đ/ngày/triệu nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ, sau đó hai bên đã thống nhất là lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng. Tuy các giấy biên nhận này không có nội dung đầy đủ theo quy định của pháp luật về hợp đồng cho vay tài sản nhưng đã thể hiện ý chí của bên vay và bên cho vay, các bên đương sự cũng thừa nhận nội dung trong các giấy biên nhận này và có thỏa thuận về lãi suất nên được coi là hợp đồng vay tài sản có lãi. Như vậy có cơ sở để khẳng định anh Vũ Văn H có vay của vợ chồng ông Đỗ Văn H tổng số tiền là 1.100.000.000 đồng, đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và có lãi suất được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Về việc thực hiện hợp đồng: Các bên đương sự không thỏa thuận thời hạn trả, nhưng ông H đã nhiều lần yêu cầu anh H trả nợ nhưng anh H không trả và cũng đã thừa nhận điều này với lý do điều kiện kinh tế khó khăn nên chưa trả được. Nay các đương sự đều thống nhất là anh H chưa thanh toán khoản tiền gốc nào. Đối với tiền lãi, các bên đã thống nhất là anh H mới trả từ khi vay đến tháng 6 năm 2018 thì không trả nữa. Căn cứ vào Điều 469 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy ông h đã thực hiện đúng việc đòi lại tài sản cho vay, còn anh Hùng đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tài sản.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu anh H trả nợ nhưng anh H không trả. Như vậy anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên ông H có quyền yêu cầu khởi kiện.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Nay ông H chỉ yêu cầu vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Trần Thị Thu H phải trả số tiền gốc là 1.100.000.000đ, còn số tiền lãi ông H không yêu cầu vợ chồng anh H, chị H phải trả. Vợ chồng anh H, chị H nhất trí trả

cho vợ chồng ông H số tiền gốc nói trên, còn số tiền lãi vợ chồng anh H xin ông H và ông H đã nhất trí cũng như giấy cam kết xác nhận nợ ngày 03/3/2021 của vợ chồng anh Hùng với ông H. Xét thấy ông H chỉ yêu cầu vợ chồng anh H, chị H phải trả số tiền gốc, còn lãi không yêu cầu vợ chồng anh H phải trả, vợ chồng anh H nhất trí trả số tiền gốc nói trên cho vợ chồng ông H là phù hợp nên được chấp nhận. Vì vậy, vợ chồng anh H, chị H có trách nhiệm trả số tiền gốc 1.100.000.000đ cho vợ chồng ông H, bà H.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H đối với anh Vũ Văn H;

2. Buộc vợ chồng anh Vũ Văn H, chị Trần Thị Thu H có trách nhiệm phải trả cho ông Đỗ Văn H, bà Vũ Thị H số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đ (một tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn H, chị Trần Thị Thu H phải nộp 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đỗ Văn H số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001931 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định ngày 17/11/2020.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện ;
- UBND xã X;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

